

Bản án số: 23/2023/DS-PT
Ngày: 06.02.2023
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản
và mua bán tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Phương Thanh

Các thẩm phán: Ông Võ Bảo Anh

Ông Trần Tuấn Quốc

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Thông – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ: bà Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử công khai vụ án thụ lý số 299/2022/TLPT-DS ngày 25 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và mua bán tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 61/2021/DS-ST ngày 06 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận N bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 361/2022/QĐ-PT ngày 08 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đỗ Thanh H, sinh năm 1978. Địa chỉ: đường T, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: bà Nguyễn Hà Ái T, sinh năm 1993. Địa chỉ: Đường A, khu A, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ - Theo văn bản ủy quyền ngày 03/01/2023 (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Phạm Duy C, sinh năm 1984. Địa chỉ: đường P, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3. 1 Bà NLQ1, sinh năm 1984. Địa chỉ: đường T, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ.

3.2 Bà NLQ2, sinh năm 1967. Địa chỉ: đường C, phường B, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện hợp pháp của bà NLQ1, bà NLQ2: Ông Nguyễn Huy K, sinh năm 1987. Địa chỉ: đường V, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ - Theo văn bản ủy quyền ngày 26/12/2022 (có đơn xin vắng mặt).

3.3 NLQ3. Địa chỉ: đường T, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ (có đơn xin vắng mặt).

3.4 Ông NLQ4, sinh năm 1988 Địa chỉ: đường L, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của ông NLQ4: ông Phạm Quang N, sinh năm 1994. Địa chỉ: Đường A, khu A, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ - Theo văn bản ủy quyền ngày 03/01/2023 (có mặt).

4. Người kháng cáo: ông Phạm Duy C, NLQ1, bà NLQ2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Nguyên đơn ông H trình bày nội dung và yêu cầu khởi kiện như sau: Ngày 31/12/2019 ông Phạm Duy C có mượn số tiền 500.000.000 đồng của ông và hẹn trong vòng 01 tháng sẽ trả lại (có làm biên nhận tay). Nhưng đến nay sau nhiều lần ông H yêu cầu trả tiền thì ông C trốn tránh không thực hiện. Đồng thời, vào ngày 09/6/2020 ông Phạm Duy C có thỏa thuận bán chiếc xe nhãn hiệu Mercedes-Benz C250 mang biển số 65A – 118.99 cho ông với số tiền 1.000.000.000đồng, ông C nhận trước 700.000.000đồng và hứa khi nào vợ chồng ông C, bà NLQ1 ra ký hợp đồng tại phòng Công chứng thì ông sẽ trả hết số tiền còn lại là 300.000.000đồng. Nhưng sau nhiều lần ông H yêu cầu ông C làm thủ tục mua bán xe thì ông C không thực hiện và lẩn tránh cho đến nay. Nay yêu cầu Tòa án buộc ông C và bà NLQ1 phải thực hiện tiếp tục hợp đồng mua bán chiếc xe nêu trên, nếu không tiếp tục thực hiện hợp đồng thì phải bồi thường gấp đôi số tiền là 1.400.000.000đồng; buộc ông C trả lại số tiền đã mượn 500.000.000đồng cùng lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày 01/02/2020, đồng thời yêu cầu hủy hợp đồng mua bán xe giữa ông Phạm Duy C, bà NLQ1 với bà NLQ2 ký kết ngày 06/01/2021, số hợp đồng 48-Q01/2021 tại NLQ3, thành phố Cần Thơ, do có dấu hiệu tẩu tán tài sản.

Đối với yêu cầu độc lập của bà NLQ2 ông không đồng ý do chiếc xe đang đặt cọc nhưng ông C lại làm hợp đồng bán cho bà NLQ2 là mẹ vợ của ông C nên có dấu hiệu tẩu tán tài sản. Đối với số tiền 300.000.000 đồng ông NLQ4 chuyển ngày 02/6/2020 là ông mượn của ông NLQ4 để đặt cọc mua xe Mercedes-Benz

C250 mang biển số 65A – 118.99, nay đã thanh toán xong không còn liên quan trong vụ kiện này. Do đó, ông C mới viết biên nhận đã nhận 700.000.000đồng ngày 09/6/2020 với ông. Đề nghị Tòa án tiếp tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

*Trước yêu cầu khởi kiện của ông H, bị đơn ông C có ý kiến như sau:

Đối với yêu cầu buộc ông Phạm Duy C tiếp tục thực hiện Hợp đồng mua bán chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mercedes-Benz C250 mang biển số 65A – 118.99. Nếu không tiếp tục thực hiện thì phải bồi thường gấp đôi số tiền là 1.400.000.000đồng, ông C không đồng ý, đối với biên nhận ngày 09/6/2020 ông xác định đúng là chữ ký và chữ viết của ông, tuy nhiên ông C chưa nhận đủ 700.000.000 đồng tiền cọc, vì số tiền sẽ được chuyển khoản sau nhưng sau đó ông C vẫn không nhận đủ, mà chỉ mới nhận được 400.000.000đồng tiền cọc. Do ông H không chuyển đủ số tiền nên ông H phải mất số tiền cọc này.

Đối với số tiền 300 triệu đồng ông NLQ4 chuyển ngày 02/6/2020 là để đặt cọc mua xe Mercedes-Benz C250 mang biển số 65A – 118.99 nhưng do ông NLQ4 không chuyển đủ tiền nên phải mất cọc, ông C và ông NLQ4 không có văn bản gì thể hiện việc mua bán và đặt cọc mua xe hai bên chỉ thỏa thuận miệng.

Đối với số tiền 500 triệu đồng theo biên nhận ngày 31/12/2019, ông xác định đúng là chữ ký, chữ viết của ông Phạm Duy C. Ông C đã trả rồi, được cản trừ cho ông NLQ4 vào việc mua bán nhà, ông C có các tin nhắn Zalo thể hiện đã cung cấp cho Tòa án. Nay ông C không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

-Bà NLQ1 thống ý kiến ông C và đề nghị công nhận hợp đồng mua bán xe giữa vợ chồng bà với bà NLQ2 ký ngày 06/01/2021.

-Bà NLQ2 có yêu cầu công nhận hợp đồng mua bán xe giữa bà với vợ chồng ông C, bà NLQ1.

-Ông NLQ4 trình bày: Ông và ông Phạm Duy C, ông Đỗ Thanh H quen biết nhau do kinh doanh môi giới đất chung. Đối với giao dịch mua bán xe giữa ông Phạm Duy C và ông Đỗ Thanh H khi đó ông cũng có mặt và chứng kiến giao dịch. Việc ông C hứa bán xe cho ông H đã nhận cọc trước số tiền 700.000.000đồng và khi ký hợp đồng tại phòng Công chứng thì ông H sẽ thanh toán đủ số tiền còn lại.

Đối với việc ông Phạm Duy C vay số tiền 500.000.000đồng của ông H thì ông không chứng kiến. Nhưng việc ông C cho rằng đây là tiền đã thanh toán cản trừ vào việc mua nhà của ông C là không đúng.

Đối với phần tiền 300.000.000 đồng ông chuyển khoản cho ông C ngày 02/6/2020 là do ông H mượn của ông để đặt cọc mua xe Mercedes-Benz C250 mang biển số 65A – 118.99, ông H đã thanh toán lại cho ông. Do đó ông C mới viết biên nhận đã nhận 700.000.000 đồng ngày 09/6/2020 với ông H. Đồng thời, ông yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

*Vụ việc hòa giải không thành nên được đưa ra xét xử sơ thẩm công khai. Tại bản án sơ thẩm số 61/2021/DS-ST ngày 06 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận N xét xử và quyết định như sau:

1. Buộc bị đơn ông Phạm Duy C có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn số tiền 1.550.000.000 đồng (*Một tỷ năm trăm năm mươi triệu đồng*). (Trong đó: tiền vay 500.000.000 đồng, tiền cọc 700.000.000 đồng và phạt cọc 350.000.000 đồng).

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của nguyên đơn nếu bị đơn không thanh toán số tiền trên thì bị đơn phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

2. Hợp đồng mua bán xe giữa ông Phạm Duy C, bà NLQ1 với bà NLQ2 ký kết ngày 06/01/2021, số hợp đồng 48-Q01/2021 tại NLQ3, thành phố Cần Thơ vô hiệu.

3. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số: 01/2021/QĐ-BPKCTT ngày 20/01/2021 của Tòa án nhân dân quận N về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “*Cấm chuyển dịch quyền về tài sản đối với tài sản đang tranh chấp*”. Việc hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời được thực hiện theo quy định tại Chương VIII của Bộ luật tố tụng dân sự.

4. Bác yêu cầu độc lập của bà NLQ2 về việc công nhận hợp đồng mua bán xe giữa ông Phạm Duy C, bà NLQ1 với bà NLQ2 ký kết ngày 06/01/2021.

5. Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí dân sự và quyền kháng cáo của các đương sự.

*Ngày 17 tháng 5 năm 2021, bà NLQ2, bà NLQ1 và ông C kháng cáo với yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử toàn bộ lại vụ án trên do việc giải quyết không thỏa đáng.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên việc rút một phần yêu cầu khởi kiện về phạt cọc. Chỉ còn yêu cầu bị đơn ông C trả 700.000.000 đồng tiền xe đã chuyển cho C, đồng thời trả tiền vay 500.000.000 đồng, không yêu cầu lãi suất.

-Bị đơn ông C thống nhất còn nợ ông H số tiền vay 500.000.000 đồng và tiền xe 700.000.000 đồng và đồng ý trả. Nhưng yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng mua bán xe giữa vợ chồng ông và bà NLQ2.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đại diện xin vắng mặt nhưng vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu kháng cáo là công nhận hợp đồng mua bán xe giữa vợ chồng ông C, bà NLQ1 và bà NLQ2.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa phúc thẩm:

-Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

-Về nội dung: Qua tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm và xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ, thấy rằng, tại phiên tòa, bị đơn thừa nhận còn nợ và thống nhất trả cho nguyên đơn ông H 1.200.000.000 đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận, đối với hợp đồng mua bán xe giữa vợ chồng ông C với bà NLQ2 là vô hiệu. Đình chỉ việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Việc vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng có người đại diện và có đơn xin giải quyết vắng mặt nên tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[1.2] Về rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xét thấy, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về tiền cọc, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, bị đơn thống nhất nên đình chỉ đối với yêu cầu này.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn ông C:

[2.1] Qua xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, có cơ sở xác định: giữa ông H và ông C có xác lập hợp đồng vay tài sản, theo đó ông H cho ông C vay 500.000.000 đồng, ông C có viết biên nhận ngày 31/12/2019 đã nhận 500.000.000 đồng của ông H, ông C thừa nhận có vay số tiền này, tại phiên tòa hôm nay bị đơn thừa nhận có vay nên có cơ sở xác định ông C có vay của ông H 500.000.000 đồng và đồng ý trả nên ghi nhận. Về tiền lãi, phía ông H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[2.2] Đối với khoản tiền mua xe, phía ông C thừa nhận có nhận tổng cộng 700.000.000 đồng từ ông H và đồng ý trả nên ghi nhận. Vậy tổng số tiền ông C có nghĩa vụ trả cho ông H là 1.200.000.000 đồng.

[3] Xét kháng cáo của bà NLQ1 và bà NLQ2, thấy rằng, ngày 06/01/2021, vợ chồng ông C có ký hợp đồng mua bán xe cho bà NLQ2 tại NLQ3, thấy rằng, phía ông C đã thỏa thuận bán xe này cho ông H vào ngày 09/6/2020 nhưng ngày 06/01/2021 tiếp tục đem ký bán cho bà NLQ2 là không đúng nên hợp đồng mua bán xe là vô hiệu. Đối với hậu quả, do các bên yêu cầu công nhận hợp đồng này, nhưng qua xem xét thấy hợp đồng vô hiệu nên Hội đồng chỉ xem xét về tính pháp lý của hợp đồng mà không xem xét về hậu quả, các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết thành vụ kiện khác. Do đó, kháng cáo của bà NLQ1, bà NLQ2 cũng như ý kiến ông C yêu cầu công nhận hợp đồng là không có cơ sở chấp nhận.

[4] Đối với quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

[4.1] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã ra Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2021/QĐ-BPKCTT ngày 20/01/2021 về cấm chuyển dịch đối với tài sản đang tranh chấp, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm cũng đã ra quyết định số 03/2021/QĐ-BPKCTT ngày 11/6/2021 về thay đổi biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài khoản tại Ngân hàng đối với số tiền 200.000.000 đồng của bị đơn ông C. Tuy nhiên, theo văn bản số 679/CCTHADS ngày 30/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận N xác định: sau khi có bản án phúc thẩm số 02/2022/DS-PT ngày 06/01/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ (gọi tắt bản án số 02) thì khoản tiền này đã thi hành án cho nghĩa vụ của ông C theo bản án trên sau khi trừ tiền án phí ông C có nghĩa vụ phải đóng là 58.500.000 đồng thì thực tế ông H nhận được 141.500.000 đồng, bản án phúc thẩm số 02 này sau đó bị Tòa án cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh hủy để giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm nhưng không giải quyết việc thi hành án, nhưng thấy rằng, nay Tòa án lại tiếp tục xét xử phúc thẩm thì vẫn xác định nghĩa vụ trả nợ của ông C đối với ông H như tại mục [2.2], do đó, số tiền 141.500.000 đồng đã thi hành theo bản án phúc thẩm số 02 vẫn ghi nhận cho ông C đã thi hành đối với ông H. Vì vậy, đến giai đoạn thi hành án tiếp theo thì ông C vẫn có nghĩa vụ trả nợ tiếp cho ông H trừ đi số tiền ông C đã thi hành án theo bản án phúc thẩm số 02.

[4.2] Đối với quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2021/QĐ-BPKCTT ngày 20/01/2021 về cấm chuyển dịch đối với tài sản đang tranh chấp được áp dụng tại cấp sơ thẩm và quyết định số 03/2021/QĐ-BPKCTT ngày 11/6/2021 về thay đổi biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài khoản tại Ngân hàng đối với số tiền 200.000.000 đồng của bị đơn được áp dụng tại cấp phúc

thẩm thì đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thực hiện theo quy định tại chương VIII Bộ luật tố tụng dân sự.

[4.3] Ghi nhận ông H đã nhận lại 240.000.000 đồng theo sổ tiết kiệm có kỳ hạn số 09419202 tại Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Phòng giao dịch An Hòa để thực hiện Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 01/2021/QĐ-BPBD ngày 20/01/2021 của Tòa án nhân dân quận N.

[5] Với những nhận định trên nên đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở. Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá chứng cứ và buộc bị đơn ông H trả khoản tiền xe 700.000.000 đồng và tiền vay 500.000.000 đồng là đúng. Đối với khoản cọc do nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện nên sửa án là khách quan.

[6] Về phần án phí:

[6.1] Sơ thẩm: Theo văn bản số 679/CCTHADS ngày 30/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận N xác định: sau khi có bản án phúc thẩm số 02 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ thì số tiền phong tỏa tài khoản 200.000.000 đồng của bị đơn ông C để nộp án phí 58.500.000 đồng mà bản án phúc số 02 buộc ông C phải đóng. Do mục [2.2] xác định buộc ông C có nghĩa vụ trả cho ông H số tiền 1.200.000.000 đồng thì tiền án phí phải đóng cụ thể: $(800.000.000 \text{ đồng} \times 4,5\%) + 400.000.000 \text{ đồng} \times 3\%) = 48.000.000 \text{ đồng}$. Ông C được nhận lại 10.500.000 đồng. Do ông C còn có nghĩa vụ trả tiền cho ông H nên số tiền án phí thừa này đề nghị Chi cục Thi hành án dân sự quận N tạm giữ để tiếp tục thi hành án cho ông H.

Đối với khoản tạm ứng án phí của ông H hai khoản 35.100.000 đồng theo hai biên lai thu số 003610 ngày 19/01/2021 và 003606 ngày 18/01/2021, đối với phiếu thu 300.000 đồng theo số biên lai 003610 thì chuyển sang tiền án phí ông H phải chịu theo bản án phúc thẩm số 02 (nhưng bản án này đã bị hủy), còn lại số tiền 34.800.000 đồng theo số biên lai 003606 thì đã được nhận lại sau khi có bản án phúc thẩm số 02, nay ông H được chấp nhận yêu cầu khởi kiện được nhận lại nên ghi nhận ông H đã nhận lại 34.800.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 003606 ngày 18/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận N theo như văn bản số 679/CCTHADS ngày 30/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận N đã xác định. Ông H còn được nhận thêm 300.000 đồng theo biên lai thu số 003610 ngày 19/01/2021.

Tương tự, đối với khoản tạm ứng án phí sơ thẩm bà NLQ2 đã đóng thì bà cũng đã được nhận lại sau khi có bản án phúc thẩm số 02. Nay do yêu cầu bà

NLQ2 không được chấp nhận nên buộc bà NLQ2 có nghĩa vụ phải chịu theo quy định là 300.000 đồng.

[6.2] Phúc thẩm: Kháng cáo của bị đơn ông C, người liên quan bà NLQ2, bà NLQ1 không được chấp nhận nên phải chịu án phí, nhưng sau khi có bản án phúc thẩm số 02 các ông, bà cũng đã được nhận lại. Nay các kháng cáo của ông, bà không được chấp nhận nên mỗi người phải chịu 300.000 đồng theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

*Căn cứ: - Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 166, 466, 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*Tuyên xử: - Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Phạm Duy C.

- Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà NLQ1 và bà NLQ2.

- Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 61/2021/DS-ST ngày 06 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận N.

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Thanh H đối với yêu cầu tiền cọc 350.000.000 đồng.

2. Ghi nhận bị đơn ông Phạm Duy C đồng ý thanh toán cho nguyên đơn ông H số tiền 1.200.000.000 đồng (*Một tỷ hai trăm triệu đồng*). Trong đó: tiền vay 500.000.000 đồng, tiền xe 700.000.000 đồng, có trừ lại số tiền bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn 141.500.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà NLQ2. Tuyên bố hợp đồng mua bán xe giữa ông Phạm Duy C, bà NLQ1 với bà NLQ2 ký kết ngày 06/01/2021, số hợp đồng 48-Q01/2021 tại NLQ3, thành phố Cần Thơ là vô hiệu.

4. Về án phí

4.1 Dân sự sơ thẩm:

- Ông Phạm Duy C phải chịu 48.000.000 đồng (*Bốn mươi tám triệu đồng*).
Đã thực hiện xong. Tiền án phí ông C đã đóng thừa 10.500.000 đồng tiếp tục thi hành án cho ông H.

- Bà NLQ2 phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

- Ông Đỗ Thanh H được nhận lại 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 003610 ngày 19/01/2021 của Chi Cục Thi hành án dân sự quận N.

4.2 Dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông C, người liên quan bà NLQ2, bà NLQ1 mỗi người phải chịu 300.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TPCT;
- TAND Q. N;
- Chi Cục THADS Q. N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Hà Thị Phương Thanh